TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Trịnh Hoàng Giang
Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025. Giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Hồ Văn N - sinh năm: 1971. Có mặt
-*Bị đơn*: Ông Lê Chế Đ - sinh năm: 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Bà Phạm Thị Mỹ H - sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ông Hồ Văn N trình bày:

Ngày 20/11/2024, ông Lê Chế Đ có hỏi vay của ông số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi suất 08%/tháng, mục đích vay để sử dụng cá nhân. Thời hạn vay là 01 tháng, từ lúc vay cho đến nay ông Đ chưa đóng lãi cho ông.

Ngày 03/12/2024, vợ chồng ông Lê Chế Đ và bà Phạm Thị Mỹ H tiếp tục hỏi ông vay thêm số tiền là 160.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Ông Đ và bà H

có làm biên nhận nợ viết tay ngày 03/12/2024 cho ông. Sau đó bà H có trả tiền cho ông số tiền là 160.000.000 đồng, còn số tiền 100.000.000 đồng thì bà H không chịu trả và xác định đây là nợ riêng của ông Đ.

Theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Chế Đ và bà Phạm Thị Mỹ H cùng chịu trách nhiệm trả cho ông N tiền gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 20/11/2024 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2025, ông N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông N chỉ yêu cầu ông Đ tự chịu trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/11/2024 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai, bị đơn - bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Bà H xác định bà không liên quan đến giao dịch vay tiền giữa ông Đ và ông N nên bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại bản tự khai, bị đơn - ông Lê Chế Đ trình bày:

Ngày 20/11/2024, ông có vay của ông N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, theo lãi suất ngân hàng, mục đích vay vốn để làm ăn, ông tự đứng giao dịch vay tiền với ông N. Hiện hoàn cảnh khó khăn nên ông Đ yêu cầu ông N xem xét cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc, còn phần nợ lãi ông N yêu cầu thì ông Đ yêu cầu ông N giảm bớt nợ lãi do không còn khả năng thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Hồ Văn N khởi kiện yêu cầu ông Lê Chế Đ bà Phạm Thị Mỹ H phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bị đơn - ông Đ và bà H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng các bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Xét thấy các bị đơn đều đã trình bày ý kiến, việc vắng mặt của các bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Ngày 20/11/2024, ông Lê Chế Đ có hỏi vay của ông Hồ Văn N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi suất 08%/tháng, mục đích vay để sử dụng cá nhân. Ông Đ có viết biên nhận ngày 20/11/2024, thời hạn vay là 01 tháng. Theo bản tự khai, bị đơn ông Lê Chế Đ thừa nhận có sự việc vay vốn gốc 100.000.000 đồng nên có căn cứ xác định sự việc ông Đ có vay của ông N số tiền gốc 100.000.000 đồng là sự thật nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy các bên tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, ông Đ đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ nhưng hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Đ phải trả cho ông N số tiền nợ gốc còn lại 100.000.000 đồng.

Ông N, ông Đ và bà H đều xác định số tiền 100.000.000 đồng là do ông Đ tự giao dịch với ông N nên ông N tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H cùng chịu trách nhiệm phải trả nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tiền gốc của ông N đối với bà H là 100.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi:

Theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi từ ngày 20/11/2024 đến ngày xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Các bên không thể hiện mức lãi suất cụ thể và cũng không có biên nhận thể hiện các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể theo quy định của pháp luật, ông Đ không đồng ý trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông N. Kể từ ngày 20/11/2024, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông Đ phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10% kể từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/01/2026 cụ thể: 100.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 02 tháng = 11.666.666 đồng làm tròn là 11.666.700 đồng.

Đối với ý kiến xin trả dần của ông Đ về việc mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng ông N không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 4 Điều 11, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Lê Chế Đ phải thanh toán cho ông Hồ Văn N số tiền nợ gốc còn thiếu là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 11.666.700 đồng. Tổng cộng là 111.666.700 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[2.3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của ông N được chấp nhận một phần và rút yêu cầu khởi kiện một phần nên hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004549 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 111.666.700 đồng x 5% = 5.583.335 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N đối với ông Lê Chế Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Chế Đ phải trả cho ông Hồ Văn N số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* và tiền lãi từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/01/2026 là 11.666.700 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng*).

Tổng cộng là 111.666.700 đồng (*Một trăm mười một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N đối với bà Phạm Thị Mỹ H về trả tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004549 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Lê Chế Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 111.666.700 đồng x 5% = 5.583.335 đồng (*Năm triệu, năm trăm, tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An